TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ- ST
Ngày 02-6-2020
V/v ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Công
- Ông Trương Xuân Vũ

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07-5-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST- HNGĐ ngày 18-5-2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 9, thị trấn Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Tạm trú tại: Tổ 1, thị trấn Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái- Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau ngày 15-01-2010, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên T, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị M và anh T đã sống ly thân từ năm 2014. Nay Chị M xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T

Về con chung: Chị M và anh T có hai con chung, tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 25-7-2010 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 21-2-2013. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, để anh T trực tiếp nuôi cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16-3-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau ngày 15-01-2010, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên T, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có người bạn nhắn tin đến mời đi uống rượu nhưng anh T không đi. Chị M đã lấy điện thoại của anh T đọc tin nhắn và tỏ thái độ ghen tuông. Chị M đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không đồng ý. Anh T xác định tình cảm vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ.

Về con chung: Anh T và Chị M có hai con chung, tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 25-7-2010 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 21-2-2013. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T để anh T nuôi cháu N anh T đồng ý. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về tình cảm, nhưng thỏa thuận được về việc nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập làn thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56 và 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung: Chị M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh T, anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn với nhau ngày 15-01-2010, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên T, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là do hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chăm lo cuộc sống gia đình. Về phía anh T xác định tình cảm vẫn còn anh không nhất trí ly hôn, nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ nào là còn tình cảm với Chị M. Tại biên bản xác minh ngày 29-4-2020 của ông Lê Văn Htổ trưởng tổ 1, Thị trấn Yên T, huyện L, tỉnh Yên Bái nơi Chị M và anh T cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa Chị M và anh T hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chăm lo cuộc sống gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa Chị M và anh T là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị M là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử Chị M được ly hôn anh T.

{4} *Về con chung*: Chị M và anh T có hai con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 25-7-2010 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 21-2-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án Chị M và anh T đã thỏa thuân: Chị M trực tiếp nuôi cháu T, anh T trực tiếp nuôi cháu N. Tại phiên tòa tuy anh T vắng mặt nhưng Chị M vẫn giữ nguyên thỏa thuận này. Xét thấy: Sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{6} *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2- Về con chung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 21-2-2013, anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 25-7-2010. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Chị M đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0004770 ngày 26-2-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

- Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS L;
- CCTHA L;
-UBND thị trấn Yên T
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh